

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thùy Dung, ông Vũ Xuân Thụ
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân
Khu vực 9 - Đắk Lắk
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Công Luật - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng Th; Sinh năm 1998; Số CCCD: 0751. 9800. 0513; Ngày cấp 14 tháng 12 năm 2023 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tùng X, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh V; Sinh năm 1986; Số CCCD: 0660.8600.0855; Ngày cấp 31 tháng 3 năm 2021 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tùng X, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Hoàng Th trình bày tóm tắt:

Bà với ông Nguyễn Anh V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 02 tháng 06 năm 2019. Trong quá trình chung sống, ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Trong đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông Vũ cấp dưỡng nuôi con, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Anh V trình bày tóm tắt:

Ông với bà Lê Thị Hoàng Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại UBND xã Ea R, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 02 tháng 06 năm 2019.

Mặc dù ông với bà Th có mâu thuẫn, nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà Th và không muốn ảnh hưởng đến con cái nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Nếu bà Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, thì ông đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, thì ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Hải Đ trình bày tóm tắt:

Cháu là con của ông Vũ, bà Th. Nếu bố mẹ ly hôn, thì cháu xin ở với mẹ.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2017 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H (Nay là xã Ea D), tỉnh Đắk Lắk chứng nhận:

Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1986 và bà Lê Thị Hoàng Th, sinh năm 1998 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea R, huyện Ea H (Nay là xã Ea D), tỉnh Đắk Lắk ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Th, cho bà Th ly hôn với ông V. Về con chung: Giao các con chung cho Th chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ông V và bà Th là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Bà Th khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông V trú ở xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Ông V được triệu tập lần hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bà Th phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho bà Th ly hôn với ông V.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, bà Th có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông V và cháu Đ đồng ý, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên đương sự và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao các con chung cho bà Th nuôi dưỡng.

Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các bên có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung nợ chung: Bà Th và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Bà Th) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng Th về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hoàng Th ly hôn với ông Nguyễn Anh V.

+ Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 và cháu Nguyễn Hải Q, sinh ngày 02 tháng 06 năm 2019 cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông V có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các bên có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Hoàng Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch.

Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Hoàng Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 18 tháng 9 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng